

PHƯƠNG ÁN

**Bố trí, sắp xếp, điều động cán bộ, giáo viên,
nhân viên các trường tiểu học và trung học cơ sở
năm học 2021 - 2022**

Căn cứ Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định tiếp nhận, điều động, chuyển chuyên và tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập;

Căn cứ Công văn số 9656/UBND-VX ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định định mức bình quân học sinh/lớp và định mức biên chế cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hành chính của các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ tình hình thực tế thừa, thiếu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn huyện;

Thực hiện kế hoạch năm học 2021 - 2022, UBND huyện lập phương án bố trí, sắp xếp, điều động giáo viên năm học 2021 - 2022 cho các trường cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc chung:

- Điều động, chuyển chuyên, cán bộ, giáo viên nhân viên phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ, cơ cấu đội ngũ cán bộ, giáo viên, biên chế được giao của từng trường và theo đúng quy định hiện hành.

- Chỉ điều động giáo viên từ trường thừa đến trường thiếu theo quy định đối với các trường THCS, TH&THCS, đối với các trường Tiểu học điều động từ trường thừa đến trường thiếu và trường thiếu ít đến trường thiếu nhiều để đảm bảo có 1 giáo viên văn hóa trên 1 lớp. Tạo sự ổn định và phát triển đối với từng trường học trong huyện. Quản lý, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, giáo viên trong phạm vi từng trường và sau khi tuyển dụng giáo viên, nhân viên mới sẽ bố trí cho các trường còn thiếu giáo viên và trường dạy 2 buổi/ngày.

- Đối với số giáo viên tiểu học đang thực hiện chuyển chuyên theo Công văn số 9656/UBND-VX ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh hết thời hạn có đơn xin chuyển về tạm thời chưa thực hiện điều động về (vì hiện nay số giáo viên các môn văn hóa tiểu học các trường đều thiếu). Sau khi tuyển dụng xong giáo viên mới năm 2021 sẽ sắp xếp, bố trí số giáo viên thuộc đối tượng trên theo quy định. Số giáo viên dạy liên trường giữ nguyên và chỉ điều động về khi trường thiếu

giáo viên (do tăng lớp) hoặc trường đang điều đến không còn nhu cầu (do giảm lớp). Số có đơn xin tình nguyện ở lại giữ nguyên.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng và đúng quy định của pháp luật trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Nguyên tắc làm tròn số khi tính định mức giáo viên: Số giáo viên thừa từ 0.8 trở lên tính thừa 1, thừa, thiếu dưới 0.8 thì bố trí dạy liên trường hoặc kiêm nhiệm công việc khác.

- Sử dụng tối đa, có hiệu quả số giáo viên trong biên chế trên địa bàn huyện theo quy định.

II. Định mức cán bộ, giáo viên, nhân viên:

1. Tiểu học:

- Trường hạng 1: có 3 CBQL; 3 nhân viên.

- Trường hạng 2, hạng 3: có 2 CBQL; 2 nhân viên.

* Giáo viên đứng lớp:

- Học 1 buổi/ngày (Cả lớp học thêm từ 6 đến 8 buổi): Định mức: 1,2 giáo viên

+ Giáo viên văn hoá: 1,0

+ Giáo viên các môn Nhạc, Hoạ, Thể dục: 0,2; không tính môn tự chọn Tin và Ngoại ngữ

- Học 2 buổi/ngày (lớp học đúng chương trình 2 buổi/ngày theo quy định của Bộ Giáo dục): Định mức: 1,5 giáo viên.

+ Giáo viên văn hoá: 1,2

+ Giáo viên các môn Nhạc 0,05; Hoạ 0,05; Thể dục 0,1; Tiếng Anh: 0,1
(*Riêng các trường học Tiếng anh theo chương trình thí điểm từ lớp 3 trở lên thì tính theo định mức: 0,25 GV/lớp*)

* Đoàn đội: 0,5

* Nhân viên hành chính:

- Hạng 1: 3 biên chế: Kế toán; Văn thư - Thủ quỹ; Thư viện - Thiết bị.

- Hạng 2, hạng 3: 2 biên chế: Kế toán - Văn thư; Thư viện - Thiết bị.

* Học sinh: tối đa 40 học sinh/lớp

2. Trung học cơ sở: (Trường hạng 2, hạng 3).

* CBQL: 02

* Giáo viên đứng lớp: 1,85 GV/lớp

- Toán 0,27; Lý 0,08; Hoá 0,07; Văn 0,29; Sinh 0,13; Sử 0,09; Địa 0,1; GDCD: 0,07; Công Nghệ 0,10; Nhạc 0,06; Hoạ 0,06; Thể dục 0,13; Ngoại ngữ 0,17; Giáo dục tập thể 0,1; Tin học: 0,13. Đối với môn tự chọn đã tính vào giáo viên Tin. (Giáo dục ngoài giờ lên lớp bố trí vào số giáo viên các môn thừa so với quy định của từng trường cho phù hợp).

* Đoàn đội: 0,5

* Nhân viên hành chính 2 biên chế: Kế toán, Thiết bị - Thí nghiệm.

* Học sinh: tôi đã 48 học sinh/lớp

III. Phương án bố trí, sắp xếp, điều động:

1. Phương án chung:

- Bố trí, sắp xếp, điều động số giáo viên các trường thừa sang trường thiếu, bố trí dạy liên trường với các trường THCS.

Đối với các trường Tiểu học điều động từ trường thiếu ít đến trường thiếu nhiều để đảm bảo giáo viên văn hóa trên 1 lớp. Sau khi điều động những trường còn lại vẫn không đủ giáo viên đứng lớp đề nghị UBND huyện cấp kinh phí cho các trường bố trí giáo viên dạy tăng tiết hoặc hợp đồng giáo viên để đảm bảo đủ 1 giáo viên/1 lớp.

- Việc điều động, chuyển chuyên cơ bản điều đến những trường gần, hạn chế điều động đi xa.

2. Phương án cụ thể:

2.1. Tiểu học: Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Năm học	Tổng biên chế tỉnh giao	Biên chế hiện có	Thừa, thiếu so với Biên chế giao	Ghi chú
2021 - 2022	915	836	- 78	

2.2. THCS: Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Năm học	Tổng biên chế tỉnh giao	Biên chế hiện có	Thừa, thiếu so với Biên chế giao	Ghi chú
2021 - 2022	717	690	- 27	

- Dự kiến điều động (có các biểu tổng hợp kèm theo)

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với cấp trường: Kiện toàn lại Hội đồng xét duyệt, điều động chuyển giáo viên cấp trường theo Quyết định số 3678/2011/UBND và Công văn số 9656/UBND tỉnh Thanh Hoá.

Hội đồng cấp trường căn cứ số lượng giáo viên thừa phải điều động, luân chuyển tiến hành họp xét đối với từng trường hợp cụ thể và biểu quyết tại hội nghị bằng hình thức giơ tay, không thực hiện việc bình xét theo phương thức bỏ phiếu kín; trường hợp ý kiến đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng biểu quyết.

Danh sách cán bộ, giáo viên thuộc diện điều động phải được công khai trong nhà trường, trước khi báo cáo UBND huyện. Làm tốt công tác tư tưởng cho giáo viên trong danh sách điều động đi trường khác và báo cáo danh sách về huyện (qua phòng Giáo dục và Đào tạo) chậm nhất là ngày 20/9/2021.

2. Đối với Phòng Giáo dục, Phòng Nội vụ tổng hợp danh sách cán bộ, giáo viên điều động, chuyển chuyên theo Công văn số 9656/UBND-VX ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh hết thời hạn có đơn xin chuyển về, tham mưu cho

UBND huyện bố trí về đơn vị cũ hoặc đơn vị thuận lợi hơn theo quy định. Cân đối số giáo viên các trường thừa, thiếu từng môn theo quy định. Thông báo chỉ tiêu, số lượng, cơ cấu bộ môn giáo viên thuộc diện điều động luân chuyển. Chỉ đạo các trường căn cứ các tiêu chí, quy định kèm theo Quyết định số 3678/QĐ-UBND và Công văn 9656/UBND của UBND tỉnh để họp xét công khai chỉ tiêu, đúng cơ cấu bộ môn để điều động, luân chuyển đủ số lượng quy định.

Phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Nội vụ căn cứ danh sách số giáo viên của các nhà trường để họp xét lập danh sách báo cáo Hội đồng xét duyệt của UBND huyện. Hội đồng xét duyệt UBND huyện họp xét điều động bổ sung cho các trường thiếu xong trước ngày 25/9/2021./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT, Nội vụ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

**DANH SÁCH THỰC TRẠNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC THỪA, THIẾU
THEO ĐỊNH MỨC 1.2 GV/LỚP – NĂM HỌC 2021 – 2022**
(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /9/2021 của Chủ tịch UBND
huyện Triệu Sơn)

T T	Trường	Số lớp	Tổng số CB, GV, NV	Số GV Văn hóa hiện có	Số GV Văn hóa thừa, thiếu so với định mức 1.0 GV/lớp	Số GV các môn khác thừa, thiếu so với định mức	Số giáo viên, nhân viên điều động	Ghi chú
I CÁC TRƯỜNG THỪA GIÁO VIÊN VÀ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU ĐỘNG ĐI								
1	TH Dân Lực	20	32	21	1		1 giáo viên Văn hóa	
2	TH Dân Quyền	23	34	24	1			1 giáo viên ung thư.
3	TH Nông Trường	16	27	18	2		2 giáo viên Văn hóa	
4	TH Thọ Bình	21	31	21			1 nhân viên	
5	TH Triệu Thành	15	24	15			0.5 giáo viên Nhạc	
II CÁC TRƯỜNG THIẾU GIÁO VIÊN								
1	TH Đồng Thắng	14	21	13	- 1			
2	TH Đồng Tiến	21	30	20	- 1			
3	TH An Nông	14	21	13	- 1			PHT dạy
4	TH Hợp Lý	16	25	15	- 1		1 Thẻ dực	PHT dạy
5	TH Hợp Thành	22	28	18	- 3			PHT dạy
6	TH Hợp Thắng	17	25	16	- 1			PHT dạy
7	TH Hợp Tiến	9	11	8	- 1			
8	TH Khuyến Nông	19	27	18	- 1			
9	TH Nguyễn Bá Ngọc	15	22	14	- 1			PHT dạy
10	TH Thọ Cường	14	21	13	- 1			PHT dạy
11	TH Thọ Ngọc	16	21	14	- 2			PHT dạy
12	TH Thọ Sơn	16	23	16	0	- 1 Kế toán		PHT dạy
13	TH Thọ Tân	14	21	13	- 1			PHT dạy
14	TH Thọ Thế	12	21	11	- 1			PHT dạy
15	TH Văn Sơn	16	22	15	- 1			PHT dạy
16	TH Xuân Thọ	13	20	12	- 1			PHT dạy

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN THCS THỪA THEO ĐỊNH MỨC
NĂM HỌC 2021 – 2022**

*(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /9/2021 của Chủ tịch UBND
huyện Triệu Sơn)*

TT	Trường	Tổng số CB, GV, NV	Tổng số giáo viên thừa, thiếu	Số giáo viên môn thừa, thiếu so với định mức sau khi điều về	Dự kiến điều động đi	Ghi chú
1	THCS Đồng Lợi	24	2.4	0.5 Hóa	0.5 Hóa	
2	THCS Đồng Tiến	22	0.5	0.5 Tiếng Anh	0.5 Tiếng Anh	
3	THCS Hợp Thắng	21	1.3	1 Văn	1 Văn	
4	THCS Thọ Tân	18	- 1.3	1 Văn	1 Văn	
5	THCS Hợp Thành	25	- 2.7	0.5 Văn	0.5 Văn	
6	THCS Thọ Thế	20	1	0.5 Mĩ thuật	0.5 Mĩ thuật	
7	THCS Thọ Ngọc	19	0	1 Công nghệ	1 Công nghệ	
8	THCS Xuân Thịnh	13	- 1.5	0.5 GDCD	0.5 GDCD	
9	THCS Vân Sơn	23	2.4	1 Sử	1 Sử	
10	TTGDNN-GDTX	35	1	1 Tiếng Anh	1 Tiếng Anh	

DANH SÁCH
CÁC TRƯỜNG THCS THIẾU GIÁO VIÊN THEO ĐỊNH MỨC
(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /9/2021 của Chủ tịch UBND
huyện Triệu Sơn)

TT	Trường	Tổng số CB,GV, NV	Số giáo viên thừa, thiếu	Số giáo viên môn thiếu so với định mức	Ghi chú
I	Thiếu điều động đến				
1	THCS Đông Thăng	17	- 2	- 1 Thể dục,	
2	THCS Dân Lý	25	- 1.2	- 0.7 Nhạc, - 0,5 Thể dục	
3	THCS Hợp Lý	16	- 3	- 1 Tin	
4	THCS Tô Vĩnh Diện	17.5	- 0.5	- 0.4 Mỹ thuật	
5	THCS Thọ Tiến	15	- 3	- 1.3 Văn; - 0.7 Sử; - 1 GDCD	
6	THCS Thọ Tân	18	- 1.8	- 1 Sinh, - 1 Tin	
7	THCS Thọ Thế	18	- 1.5	- 1 Sinh, - 0.5 GD tập thể	
8	THCS Thọ Ngọc	20	0	- 0.5 Mỹ thuật, - 0.5 Nhạc	
9	THCS Thọ Phú	14	0	- 0.5 Sử	
10	THCS Xuân Thọ	17	- 2.4	- 0.5 Mỹ thuật, - 0.4 NN.	
11	THCS Xuân Thịnh	12	- 1.5	- 1 Tin.	
12	THCS Thọ Cường	17	- 2.8	- 0.5 Nhạc, - 0.5 Tiếng Anh, - 1 Kế toán.	
II	Liên trường				
1	THCS Đông Tiến	18	- 0.6	- 0.6 Hóa,	
2	THCS Đông Thăng	20.5	- 0.4	- 0.4 Tiếng Anh	
3	THCS Hợp Tiến	12	- 1	- 0.5 Văn, - 0.3 Mỹ thuật, 0.7 Tin	
4	THCS Thọ Vực	16	- 2.8	- 0.6 GDCD, - 0.4 NN.	
5	THCS Thọ Cường	15	- 3.3	- 1 Công Nghệ, - 0.4 T.Anh.	
6	THCS Triệu Thành	17	- 1.6	- 0.5 Nhạc.	